

Số: 73/2020/QĐST- HNGĐ

Tam Nông, ngày 17 tháng 8 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án thụ lý số: 91/2020/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Chị **Dur Thị T**, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Khu 2, xã T, huyện T, tỉnh P.

Bị đơn: Anh **Ngô Thanh T**, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Khu 2, xã T, huyện T, tỉnh P.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Chính sách xã hội.

Địa chỉ: Số 169, phố L, phường P, quận H, thành phố H.

Đại diện theo pháp luật: **Ông Dương Quyết T** - Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội.

Đại diện theo ủy quyền: Bà **Nguyễn Thị Tuyết N**, Chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện T.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 8 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 8 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Dur Thị T và anh Ngô Thanh T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

+ *Về con chung:* Giao con chung là cháu Ngô Xuân V, sinh ngày 08/02/2011 cho chị Dur Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao con chung là cháu Ngô Tiến Đ, sinh ngày 22/11/2009 cho anh Ngô Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị T, anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Không ai được cản trở quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung của chị T, anh T.

+ *Về tài sản chung:* Anh T được sở hữu và sử dụng tài sản chung của vợ chồng gồm: 01 tivi, 01 tủ lạnh, 01 điều hòa, 01 máy lọc nước, 01 máy giặt, 01 quạt hơi nước, 01 máy phát điện, 01 đôi loa thùng, 01 máy cuốn, 01 máy vanh, 01 máy cưa (Theo biên bản thỏa thuận ngày 10/7/2020 của chị T, anh T). Anh T không phải thanh toán tiền chênh lệch về tài sản cho chị T.

+ *Về nợ chung*: Anh Ngô Thanh T có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội - Phòng giao dịch huyện T số tiền nợ gốc + lãi tính đến ngày 10/8/2020 là: 50.585.863đ (Năm mươi triệu, năm trăm tám mươi lăm nghìn, tám trăm sáu ba đồng), và khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 11/8/2020 theo quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội cho đến khi thanh toán xong.

+ *Về công sức đóng góp*: Chị T, anh T đều xác nhận không có nên không đặt ra giải quyết.

+ *Về án phí*: Chị Dư Thị T tự nguyện xin chịu cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0002640 ngày 10/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. Hoàn trả cho chị T 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6,7,7a và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tam Nông;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu HSVA.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đăng Trình